

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2010/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 3 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư xây dựng công trình
bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Xét đề nghị của các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương; của UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan liên quan;

Theo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 134/BC-STP ngày 03/3/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 27/2007/QĐ-UBND ngày 14/6/2007 của UBND tỉnh. Các quy định trước đây của UBND tỉnh, các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã trái với quy định này đều bị bãi bỏ. Quá trình triển khai thực hiện quy định này, nếu Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng, thì thực hiện theo quy định mới của Nhà nước, bãi bỏ các nội dung của quy định này, trái với quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Văn Chất

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 29/3/2010)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích yêu cầu

Quy định phân cấp, phân công quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn ngân sách thuộc địa phương quản lý nhằm tăng cường công tác quản lý và nâng cao hiệu quả đầu tư, chống thất thoát lãng phí.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Các dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý, thuộc đối tượng và phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng; các Nghị định, Quyết định, Chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các Văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, phải thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này.

Đối với các dự án đầu tư không có xây dựng công trình thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) thực hiện theo quy định tại Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức và các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định này.

Điều 3. Công tác kế hoạch đầu tư

1. Các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước phải lập danh mục và giao kế hoạch hàng năm theo đúng quy định của Luật Ngân sách. Dự án đầu tư nhóm A, công trình thuộc danh mục công trình trọng điểm sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước phải nằm trong kế hoạch 5 năm được HĐND tỉnh thông qua, nếu dự án chưa có trong kế hoạch 5 năm thì phải có văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Điều kiện ghi kế hoạch vốn: Tại thời điểm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch vốn đầu tư, dự án phải có đủ các điều kiện sau:

a) Đối với các dự án quy hoạch: Các dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -

xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu, quy hoạch xây dựng phải có đề cương hoặc nhiệm vụ dự án quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các dự án chuẩn bị đầu tư: Có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư trước thời điểm trình HĐND cùng cấp thông qua kế hoạch hàng năm.

Đối với những dự án có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng không phải lập và trình phê duyệt chủ trương đầu tư. Chủ đầu tư báo cáo cơ quan có thẩm quyền trực tiếp xem xét, kiểm tra sự cần thiết, nội dung đầu tư và lập danh mục gửi cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch trình cấp có thẩm quyền giao kế hoạch hàng năm. Các tiểu dự án thuộc một chương trình, dự án đã được xác định chủ trương, quy mô đầu tư thì không phải phê duyệt về chủ trương đầu tư.

c) Đối với các dự án thực hiện đầu tư: Có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền trước ngày 15/11 năm trước liền kề của năm kế hoạch, trường hợp đặc biệt, những dự án có tính cấp bách phải có ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đầu mối tổng hợp kế hoạch trình cấp có thẩm quyền quyết định:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển (vốn ngân sách trung ương, vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ có mục tiêu theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vốn sự nghiệp lập dự án quy hoạch thuộc ngân sách tỉnh), vốn Trái phiếu Chính phủ, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp kinh tế, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi là cấp huyện) có trách nhiệm tổng hợp, lấy ý kiến các phòng liên quan và trình UBND cấp huyện quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách do UBND cấp huyện quản lý.

d) Bộ phận chuyên môn có chức năng quản lý kế hoạch ngân sách của UBND cấp xã có trách nhiệm tổng hợp, lấy ý kiến các đơn vị liên quan và trình UBND cấp xã quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương do UBND cấp xã quản lý.

e) Thời gian trả lời ý kiến của cơ quan, đơn vị liên quan tối đa là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Sau thời hạn trên không có văn bản trả lời thì được xem như đã thống nhất với nội dung do cơ quan đầu mối gửi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về lĩnh vực quản lý Nhà nước của mình.

4. Việc điều chỉnh kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về đầu tư; cơ quan đầu mối tổng hợp kế hoạch quy định tại khoản 3 điều này có trách nhiệm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt điều chỉnh kế hoạch.

Điều 4. Quản lý đầu tư theo quy hoạch

Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước khi

trình UBND các cấp phê duyệt chủ trương đầu tư phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với dự án đầu tư không có trong quy hoạch ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư làm việc thống nhất với Sở chuyên ngành báo cáo UBND tỉnh xem xét, chấp thuận bổ sung quy hoạch trước khi trình UBND các cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Đối với dự án đầu tư không có trong quy hoạch xây dựng hoặc chưa có quy hoạch xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ đầu tư làm việc thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng xem xét chấp thuận về vị trí, quy mô xây dựng trước khi trình cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Ban quản lý các khu công nghiệp, các Khu kinh tế có trách nhiệm quản lý việc xây dựng công trình trong Khu công nghiệp và Khu kinh tế theo quy hoạch xây dựng đã được duyệt; xem xét chấp thuận việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật của các dự án đầu tư xây dựng trong Khu công nghiệp và Khu kinh tế.

Thời gian xem xét, chấp thuận về quy hoạch ngành hoặc quy hoạch xây dựng không quá 10 ngày làm việc.

Điều 5. Cung cấp Thông tin liên quan phục vụ lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư.

1. Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tổng hợp, đăng ký tải các thông tin liên quan đến công tác quản lý đầu tư và xây dựng, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về quản lý đầu tư và xây dựng đang có hiệu lực thi hành; Quy hoạch tổng hợp thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, quy hoạch phát triển ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Sở Tài chính là cơ quan tổng hợp, đăng tải các thông tin liên quan, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về quyết toán vốn đầu tư, quản lý giá vật tư, thiết bị, công bố đơn giá bồi thường GPMB trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tổng hợp, đăng tải các thông tin liên quan đến công tác quản lý về tài nguyên và môi trường, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về tài nguyên và môi trường đang có hiệu lực thi hành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai 5 năm, hàng năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự báo tác động về môi trường.

d) Sở Xây dựng là cơ quan tổng hợp, đăng tải các thông tin liên quan đến công tác quản lý quy hoạch kiến trúc, bao gồm: Các văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn về quản lý quy hoạch kiến trúc đang có hiệu lực thi hành; quy hoạch xây dựng, quy hoạch kết cấu hạ tầng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; công bố giá vật liệu xây dựng theo quy định.

e) Các sở khác có trách nhiệm đăng tải các thông tin văn bản pháp luật của nhà nước, quy định, hướng dẫn liên quan lĩnh vực quản lý của ngành mình.

2. Cung cấp thông tin trực tiếp theo đề nghị của chủ đầu tư:

a) Trách nhiệm cung cấp thông tin đề nghị của chủ đầu tư:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về chính sách đầu tư, hướng dẫn thủ tục, giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình lập, thẩm định dự án, phê duyệt dự án, tổ chức đấu thầu;

- Phòng quản lý quy hoạch, xây dựng, hạ tầng cấp huyện cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin về quy hoạch xây dựng của huyện, thành phố, thị xã theo phân cấp của UBND tỉnh.

- Sở Xây dựng hướng dẫn, cung cấp cho chủ đầu tư thông tin về giá; đấu nối hạ tầng kỹ thuật đô thị khi chủ đầu tư có yêu cầu để lập dự án; cung cấp thông tin và hướng dẫn chế độ, chính sách quản lý kinh tế - kỹ thuật, chất lượng trong xây dựng cơ bản.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, cung cấp cho chủ đầu tư thông tin về quản lý công trình thủy lợi, đề điều khi chủ đầu tư có yêu cầu để lập dự án.

- Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính sách đất đai, thủ tục thu hồi, giao đất; dự báo tác động môi trường; sử dụng tài nguyên.

- Sở Tài chính cung cấp, hướng dẫn, giải đáp các thông tin chính sách về thanh quyết toán vốn đầu tư.

- Các Sở chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ cung cấp, hướng dẫn giải đáp các thông tin về quy hoạch, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật ngành.

- UBND cấp huyện cung cấp, hướng dẫn giải đáp các thông tin liên quan về thủ tục lập, phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ địa chính liên quan đến địa điểm đất đai trên địa bàn.

- Các doanh nghiệp quản lý, kinh doanh điện lực, thông tin truyền thông cung cấp thông tin liên quan cho chủ đầu tư làm căn cứ lập dự án.

b) Các cơ quan cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng thông tin và hướng dẫn, giải đáp theo đề nghị của các chủ đầu tư trong thời hạn không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

c) Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, hướng dẫn cụ thể việc cung cấp thông tin cho chủ đầu tư và niêm yết công khai tại cơ quan mình để triển khai thực hiện.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 6. Trình tự triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

1. Chuẩn bị đầu tư:

- a) Phê duyệt chủ trương đầu tư và xác định chủ đầu tư dự án.
 - b) Lập dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
 - c) Thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư.
2. Thực hiện đầu tư.
- a) Thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán.
 - b) Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng.
 - c) Lựa chọn nhà thầu.
 - d) Thi công xây dựng công trình.
3. Kết thúc dự án đầu tư đưa vào khai thác sử dụng.
- a) Nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào khai thác sử dụng và thực hiện bảo hành công trình theo quy định.
 - b) Quyết toán vốn đầu tư và phê duyệt quyết toán.

Điều 7. Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư dự án phải được cấp có thẩm quyền giao tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư trước khi lập dự án, phù hợp quy định của Luật Ngân sách; việc xác định chủ đầu tư thực hiện như sau:

1. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: Chủ đầu tư dự án là UBND tỉnh, UBND Tỉnh ủy quyền cho các Ban Quản lý dự án có đủ điều kiện năng lực tổ chức thực hiện.

2. Dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND các cấp:

a) Chủ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách đầu tư phát triển là đơn vị quản lý, sử dụng công trình nếu đơn vị quản lý, sử dụng công trình có đủ điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư.

b) Trường hợp chưa xác định được đơn vị quản lý, sử dụng công trình hoặc đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì người quyết định đầu tư có thể giao cho đơn vị có đủ điều kiện làm chủ đầu tư. Trong trường hợp đơn vị quản lý, sử dụng công trình không đủ điều kiện làm chủ đầu tư thì đơn vị sẽ quản lý, sử dụng công trình có trách nhiệm cử người tham gia với chủ đầu tư trong việc tổ chức lập dự án, thiết kế, theo dõi, quản lý, nghiệm thu và tiếp nhận đưa công trình vào khai thác, sử dụng.

c) Các trường hợp khác, UBND tỉnh xem xét quyết định đối với từng dự án cụ thể phù hợp với khả năng nguồn vốn, chủ sở hữu đầu tư và quy mô của dự án.

Điều 8. Hình thức quản lý dự án

Các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, căn cứ yêu cầu của dự án và năng lực của chủ đầu tư, khi phê duyệt dự án người quyết định đầu tư lựa chọn một trong các hình thức sau:

a) Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thì chủ đầu tư thành lập Ban quản

lý dự án để giúp chủ đầu tư quản lý dự án. Ban quản lý dự án phải có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án theo yêu cầu của chủ đầu tư. Ban quản lý dự án có thể thuê tư vấn quản lý, giám sát một số phần việc mà Ban quản lý dự án không có đủ điều kiện, năng lực để thực hiện nhưng phải được sự đồng ý của chủ đầu tư.

Đối với dự án có quy mô nhỏ, yêu cầu kỹ thuật không cao, có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không thành lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý thực hiện dự án.

b) Trường hợp chủ đầu tư thuê tổ chức tư vấn quản lý điều hành dự án thì tổ chức tư vấn đó phải có đủ điều kiện năng lực tổ chức quản lý phù hợp với quy mô, tính chất của dự án. Trách nhiệm, quyền hạn của tư vấn quản lý dự án được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Tư vấn quản lý dự án được thuê tổ chức, cá nhân tư vấn tham gia quản lý nhưng phải được chủ đầu tư chấp thuận và phù hợp với hợp đồng đã ký với chủ đầu tư.

Khi áp dụng hình thức thuê tư vấn quản lý dự án, chủ đầu tư vẫn phải sử dụng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ máy của mình để kiểm tra, theo dõi việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

Điều 9. Lập và phê duyệt chủ trương đầu tư

1. Lập và phê duyệt chủ trương đầu tư:

a) Các Sở, ban, ngành (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện), bộ phận chuyên môn UBND các xã, thị trấn (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã) và đơn vị quản lý sử dụng công trình căn cứ vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã được HĐND cùng cấp thông qua, các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để nghiên cứu, đề xuất các dự án đầu tư trình UBND cấp quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

b) Nội dung hồ sơ khi trình phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư kèm theo thuyết minh làm rõ các nội dung: Tên dự án, sự cần thiết đầu tư, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng công trình (thuyết minh sơ bộ hiện trạng khu đất), sự phù hợp với quy hoạch (Quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng), mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư dự kiến, hình thức đầu tư, dự kiến tổng mức và nguồn vốn đầu tư (trong đó có phương án tổng thể bồi thường GPMB, chi phí nghiên cứu lập, thẩm định dự án), dự kiến thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, thời gian thực hiện dự án;

c) Nội dung quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: Tên dự án, chủ đầu tư, địa điểm dự kiến xây dựng công trình, mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư dự kiến, nội dung chuẩn bị đầu tư, dự kiến tổng mức và nguồn vốn đầu tư dự án, thời gian hoàn thành chuẩn bị đầu tư.

d) Thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư:

UBND các cấp quyết định đầu tư theo phân cấp quy định tại điều 13 Quy định này thực hiện phê duyệt chủ trương đầu tư.

e) Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện (đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp huyện), bộ phận chuyên môn UBND cấp xã (đối với dự án thẩm quyền quyết định đầu tư của UBND cấp xã) là đầu mối tiếp nhận, thẩm tra, trình UBND các cấp xem xét quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

f) Nội dung thẩm tra gồm: Sự cần thiết đầu tư, sự phù hợp quy hoạch, chủ đầu tư, mục tiêu, quy mô đầu tư, nội dung chuẩn bị đầu tư và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư để thực hiện dự án.

g) Thời gian thẩm tra hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư tối đa là 10 ngày làm việc; thời gian xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư tối đa là 5 ngày làm việc.

2. Phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư: Chủ đầu tư các dự án tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư dự án trên cơ sở chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Nhà nước và UBND tỉnh.

Điều 10. Lập dự án đầu tư

1. Đối với các dự án quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội thì chủ đầu tư phải lập Báo cáo đầu tư trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội thông qua chủ trương và cho phép đầu tư. Đối với các dự án khác, chủ đầu tư lập dự án đầu tư theo quy định trừ các trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình theo quy định tại điều 13 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

2. Nội dung báo cáo đầu tư, dự án xây dựng công trình, báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

a) Nội dung báo cáo đầu tư theo quy định tại điều 5 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

b) Nội dung dự án đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại điều 6, 7, 8 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

c) Nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định tại khoản 4 điều 35 Luật Xây dựng, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

d) Công tác tổ chức thực hiện bồi thường, GPMB theo quy hoạch không phải lập dự án; thực hiện theo Quyết định giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

đ) Thời gian để lập xong dự án nhóm C không quá 3 tháng, nhóm B không quá 6 tháng, nhóm A không quá 9 tháng kể từ khi có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư. Trường hợp thời gian lập dự án kéo dài hơn so với quy định, chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và được cơ quan quyết định đầu tư chấp thuận.

e) Đối với các dự án đầu tư để giải quyết các nhu cầu cấp bách, bức xúc hoặc các yêu cầu đặc biệt khác, thực hiện theo văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

3. Đối với dự án của doanh nghiệp sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước và vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước quản lý về chủ trương và quy mô đầu tư. Doanh nghiệp có dự án tự chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo các quy định hiện hành.

4. Đối với các dự án sử dụng vốn khác, chủ đầu tư tự quyết định hình thức và nội dung quản lý dự án. Đối với các dự án sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau thì các bên góp vốn thỏa thuận về phương thức quản lý hoặc quản lý theo quy định đối với nguồn vốn có tỷ lệ phần trăm (%) lớn nhất trong tổng mức đầu tư.

5. Các tiểu dự án trong các chương trình dự án lớn, có mức vốn đầu tư dưới 5 tỷ đồng, nếu không có quy định riêng thì tiểu dự án có quy mô xây dựng và người hưởng lợi nằm trọn trong địa bàn 1 xã, giao UBND cấp xã làm chủ đầu tư và thực hiện quản lý dự án theo quy định.

6. Dự án có nhu cầu sử dụng đất thì phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm, diện tích và làm các thủ tục giao, thuê đất theo quy định của Luật đất đai.

Điều 11. Thẩm định dự án

1. Hồ sơ trình phê duyệt.

a) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm:

Tờ trình thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục số II Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

Dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm phần thuyết minh và hồ sơ thiết kế cơ sở;

Các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình bao gồm:

Tờ trình thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm phần thuyết minh và thiết kế bản vẽ thi công;

Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của chủ đầu tư, kèm theo văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan (nếu có).

2. Nội dung thẩm định dự án:

a) Nội dung thẩm định dự án thực hiện theo quy định tại điều 11 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, khoản 1 điều 6 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

b) Nội dung thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:

Nội dung thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại điều 3 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và các quy định hiện hành của Nhà nước và của UBND tỉnh.

c) Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 71/2005/NĐ-CP ngày 06/06/2005 của Chính phủ.

3. Cơ quan, tổ chức thẩm định:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tổ chức thẩm định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, theo điều 13, Quy định này.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chủ trì tổ chức thẩm định các dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện.

c) Bộ phận chuyên môn UBND cấp xã, thị trấn chủ trì tổ chức thẩm định (hoặc thuê chuyên gia tư vấn) các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp xã.

4. Tổ chức thẩm định:

a) Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan, tổ chức chủ trì thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ dự án lấy ý kiến của các cơ quan liên quan (bao gồm cả nội dung xem xét thiết kế cơ sở, lấy ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư) theo quy định.

b) Các cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở theo quy định tại điều 12 Quyết định này có trách nhiệm xem xét thiết kế cơ sở bao gồm:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc tổng mặt bằng được phê duyệt; sự phù hợp của thiết kế cơ sở với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến; sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí, quy mô xây dựng và các chỉ tiêu quy hoạch đã được chấp thuận đối với công trình xây dựng tại khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt;

- Sự phù hợp của việc kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự hợp lý của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ;

- Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của cá nhân lập thiết kế cơ sở theo quy định.

- Sự phù hợp của phương pháp xác định tổng mức đầu tư với đặc điểm, tính chất kỹ thuật và yêu cầu công nghệ của dự án đầu tư xây dựng công trình; tính đầy đủ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu thực tế thị trường của các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư theo hồ sơ thiết kế cơ sở trình thẩm định.

Đối với các dự án đầu tư nhóm A, dự án nhóm B có tổng mức đầu tư lớn hơn 300 tỷ đồng, dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù, dự án đầu tư áp dụng tiêu chuẩn thiết kế nước ngoài hoặc thuê tư vấn nước ngoài và dự án đầu tư có các đặc điểm, tính chất kỹ thuật, yêu cầu công nghệ và các định mức, đơn giá không có trong hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức do các cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành, chủ đầu tư thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm để thẩm tra tổng mức đầu tư trước khi trình cấp có thẩm định, phê duyệt dự án. Chi phí thẩm tra được tính vào chi phí khác của tổng mức đầu tư dự án.

c) Nội dung tham gia ý kiến của các cơ quan liên quan phải rõ ràng trên cơ sở viện dẫn các quy định của Nhà nước và quan điểm của cơ quan tham gia ý kiến: nội dung đồng ý (phù hợp), nội dung không đồng ý (không phù hợp), nội dung cụ thể phải bổ sung hoàn chỉnh.

d) Cơ quan chủ trì thẩm định dự án có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan (bao gồm ý kiến về thiết kế cơ sở, ý kiến thẩm định tổng mức đầu tư) và thông báo kết quả thẩm định dự án bằng văn bản để chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ trình phê duyệt dự án. Trường hợp hồ sơ dự án đủ điều kiện theo quy định, cơ quan chủ trì thẩm định dự án lập báo cáo thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự án.

đ) Trường hợp hồ sơ dự án phải bổ sung hoàn chỉnh theo thông báo kết quả thẩm định dự án, chủ đầu tư hoàn chỉnh hồ sơ dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở và gửi cơ quan chủ trì thẩm định dự án để thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Thời gian thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

a) Thời gian thẩm định dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: không quá 7 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm C: không quá 10 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm B: không quá 20 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm A: không quá 40 ngày làm việc

b) Thời gian trả lời ý kiến thẩm định kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu và hồ sơ hợp lệ, cụ thể:

Dự án thuộc nhóm C: không quá 4 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm B: không quá 6 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm A: không quá 10 ngày làm việc

Sau thời hạn trên, nếu cơ quan được xin ý kiến thẩm định không có văn bản tham gia ý kiến thẩm định, được xem là thống nhất với nội dung dự án do cơ quan chủ trì thẩm định gửi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về lĩnh vực quản lý Nhà nước của mình.

Điều 12. Nhiệm vụ quản lý Nhà nước về xây dựng của Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành

1. Sở Công thương tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây

dựng công trình: hầm mỏ, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các dự án công nghiệp chuyên ngành khác, trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, thủy sản và công trình nông nghiệp chuyên ngành khác.

3. Sở Giao thông Vận tải tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

4. Sở Xây dựng tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật đô thị (kể cả đường giao thông đô thị); hạ tầng các Khu kinh tế, Khu công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác.

5. Sở Thông tin và Truyền thông: Các công trình xây dựng chuyên ngành thông tin, truyền thông.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định đầu tư

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C; Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C; Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án nhóm C trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương sau khi được phê duyệt của chủ trương đầu tư.

UBND cấp huyện quyết định đầu tư các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đến 2.000 triệu đồng sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh về nguồn vốn hỗ trợ trên cơ sở đề xuất của Sở Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo cân đối kế hoạch vốn.

UBND cấp xã quyết định đầu tư các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên đến 500 triệu đồng sau khi có văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền để đảm bảo cân đối kế hoạch vốn.

2. Ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các dự án tổng mức đầu tư đến 2 tỷ đồng sau khi có chủ trương đầu tư đã được UBND tỉnh phê duyệt.

3. Thời gian xem xét phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật của cấp có thẩm quyền tính từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của cơ quan thẩm định:

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: không quá 03 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm C: không quá 03 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm B: không quá 08 ngày làm việc

Dự án thuộc nhóm A: không quá 10 ngày làm việc

Trường hợp đặc biệt, thời gian phê duyệt dự án có thể kéo dài nhưng không quá 12 ngày làm việc.

Điều 14. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ theo quy định tại điều 18 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP, ngày 12/02/2009 và điều 10 Nghị

định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ, gửi các quyết định phê duyệt đến cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan xem xét thiết kế cơ sở và cơ quan chủ trì tổng hợp kế hoạch đầu tư trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt.

Giao chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt dự toán, tổng dự toán công trình (bao gồm dự án đầu tư xây dựng công trình và báo cáo kinh tế - kỹ thuật) theo quy định tại điều 10, điều 11 Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ.

Điều 15. Lựa chọn nhà thầu

1. Việc áp dụng hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu đối với tất cả các trường hợp: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế; chỉ định thầu; mua sắm trực tiếp; chào hàng cạnh tranh trong mua sắm hàng hóa; tự thực hiện; lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế kiến trúc công trình xây dựng; lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo Luật Đấu thầu, Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 và văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương phải được chủ đầu tư trình duyệt kế hoạch đấu thầu và chỉ được tổ chức thực hiện khi được người có thẩm quyền quyết định đầu tư phê duyệt kế hoạch đấu thầu;

Cơ quan chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng phải hoàn thành phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng của gói thầu trước khi trình duyệt kế hoạch đấu thầu;

Nghiêm cấm chủ đầu tư các dự án chia công trình thành nhiều gói thầu trái quy định để chỉ định thầu;

Chỉ định thầu thực hiện theo quy định tại điều 40 và điều 41 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009; khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi đối với tất cả các gói thầu, kể cả những gói thầu nhỏ.

Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư và việc lựa chọn nhà thầu đảm bảo yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định hiện hành của Nhà nước và của địa phương.

2. Thẩm định, phê duyệt công tác đấu thầu:

a) Các dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư:

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đấu thầu, báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND tỉnh phê duyệt;

- Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đấu thầu và phải chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư và trước pháp luật về quyết định của mình.

b) Các dự án do UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư:

- Dự án do UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định kế hoạch đấu thầu, báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND cấp huyện phê duyệt;

- Dự án do UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định kế hoạch chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định (hoặc thuê chuyên gia tư vấn) kế hoạch đấu thầu, báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo quyết định trình UBND cấp xã phê duyệt;

- Chủ đầu tư giao tổ chức, cá nhân thuộc cơ quan mình tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp tổ chức, cá nhân được giao thẩm định không đủ năng lực thì chủ đầu tư tiến hành lựa chọn một tổ chức tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thẩm định. Trong mọi trường hợp, chủ đầu tư phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu.

c) Các dự án do doanh nghiệp Nhà nước quyết định đầu tư: Người có thẩm quyền quyết định đầu tư đồng thời chịu trách nhiệm quyết định các nội dung công việc lựa chọn nhà thầu theo quy định;

d) Trường hợp đấu thầu hạn chế, giá gói thầu khi trình kế hoạch đấu thầu phải trừ tiết kiệm theo quy định của UBND tỉnh, chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm lựa chọn các nhà thầu có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của gói thầu để mời tham gia đấu thầu;

đ) Chỉ định thầu: Khi áp dụng hình thức chỉ định thầu, chủ đầu tư phải tổ chức thực hiện đầy đủ các bước theo quy định. Hồ sơ của bên mời thầu yêu cầu các nhà thầu xin chỉ định thầu phải lập phương án giảm giá, mức giảm giá tối thiểu bằng mức tiết kiệm quy định của UBND tỉnh đồng thời trình phương án đảm bảo tiến độ và cam kết chịu trách nhiệm; chủ đầu tư phải tổ chức lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để chỉ định thầu theo quy định và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc lựa chọn của mình.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện quản lý Nhà nước về đấu thầu; chịu trách nhiệm hướng dẫn các sở, ngành, huyện, thành phố, thị xã, các chủ đầu tư thực hiện các nội dung về công tác đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; kiểm tra, thanh tra và tổng hợp báo cáo công tác đấu thầu theo định kỳ các dự án đầu tư thuộc phạm vi địa phương quản lý.

4. Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện về công tác đấu thầu theo thẩm quyền phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu theo định kỳ (6 tháng, năm) theo quy định của pháp luật về đấu thầu gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Thời gian thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu.

a) Thời gian thẩm định kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu:

Đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ: không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

Đối với các gói thầu khác: không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Thời gian phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của cơ quan, tổ chức thẩm định.

Điều 16. Quản lý chất lượng công trình xây dựng

Quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ ngành Trung ương.

1. Chủ đầu tư thực hiện việc quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và người quyết định đầu tư về chất lượng công trình, sản phẩm trong tất cả các khâu của quá trình chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và hoàn thành bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Thực hiện việc quản lý, lưu trữ hồ sơ theo đúng quy định của Pháp luật.

2. Trước khi khởi công công trình, chủ đầu tư xây dựng công trình phải gửi đến cơ quan quản lý Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng 01 bộ hồ sơ thiết kế để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành trên địa bàn.

3. Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương.

4. Sở Xây dựng là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, thường xuyên kiểm tra, tổng hợp, tình hình quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với tất cả các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng theo định kỳ.

5. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đối với những dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật do UBND cấp huyện và cấp xã quyết định đầu tư và có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thực hiện chức năng quản lý nhà nước các công trình xây dựng trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

6. Ban quản lý các khu kinh tế, khu công nghiệp có trách nhiệm: Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quản lý chất lượng xây dựng công trình của các dự án đầu tư xây dựng trong khu kinh tế, khu công nghiệp; định kỳ 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh và Sở Xây dựng về tình hình quản lý chất lượng xây dựng và các sự cố công trình xảy ra trong khu kinh tế, khu công nghiệp; phối hợp với Sở Xây dựng hoặc Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện việc giám định chất lượng công trình xây dựng, giám định sự cố công trình.

7. Giám sát thi công:

a) Chủ đầu tư, nhà thầu xây lắp, nhà thầu tư vấn thiết kế, nhà thầu cung ứng và lắp đặt thiết bị phải thực hiện công tác giám sát thi công của mình theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình xây dựng do mình thực hiện;

b) Giám sát đầu tư của cộng đồng: Thực hiện theo Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng ban hành kèm theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính.

8. Giao Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và tình hình cụ thể ở địa phương ban hành văn bản hướng dẫn công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh và văn bản hướng dẫn tổ chức hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Trước khi ban hành phải có ý kiến thỏa thuận của các Sở, ngành liên quan và UBND cấp huyện.

Điều 17. Điều chỉnh dự án

1. Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được quyết định đầu tư chỉ được điều chỉnh theo quy định tại khoản 3 điều 1 Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009, Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ.

2. Các cấp có thẩm quyền không được phép điều chỉnh dự án đầu tư đối với các dự án thuộc đối tượng phải giám sát, đánh giá đầu tư nhưng chưa thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

Điều 18. Thanh toán và quyết toán vốn đầu tư

1. Quản lý, thanh toán cho các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 130/2007/TT-BTC ngày 02/11/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 75/2008/TT-BTC ngày 28/8/2008 hướng dẫn quản lý vốn đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách xã, thị trấn.

2. Việc thanh toán vốn đầu tư phải bảo đảm đúng tiến độ, trong phạm vi tổng mức đầu tư, dự toán công trình hoặc giá trúng thầu đã được duyệt; theo đúng khối lượng hoàn thành được nghiệm thu; việc kiểm tra, giám sát sử dụng vốn và thẩm tra quyết toán công trình phải đúng quy định về quản lý vốn đầu tư. Đối với dự án đầu tư đã được phê duyệt và bố trí vốn nhưng chậm khởi công hoặc tiến độ xây dựng chậm thì phải điều chuyển vốn cho dự án đầu tư khác theo quy định.

3. Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Dự án do UBND tỉnh quyết định đầu tư: Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm tra, lập báo cáo kết quả thẩm tra trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Đối với Dự án UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư thì giao Giám đốc Sở Tài chính thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư;

- Dự án do UBND cấp huyện quyết định đầu tư: Phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm tra, lập báo cáo kết quả thẩm tra trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt quyết toán vốn đầu tư;

- Đối với dự án do UBND cấp xã quyết định đầu tư: Ban Tài chính xã chịu trách nhiệm thẩm tra, lập báo cáo kết quả thẩm tra trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

4. Thời hạn thanh, quyết toán vốn đầu tư

a) Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhà thầu nộp đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định, chủ đầu tư phải thanh toán giá trị khối lượng công việc đã thực hiện cho nhà thầu. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, chủ đầu tư phải hoàn thành các thủ tục và chuyển đề nghị thanh toán đến cơ quan cấp phát, cho vay vốn. Trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phát, cho vay vốn có trách nhiệm thanh toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu;

b) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trình người có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Thời hạn lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư (kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng):

- Đối với dự án nhóm A chậm nhất là 8 tháng;
- Đối với dự án nhóm B chậm nhất là 6 tháng;
- Đối với dự án nhóm C chậm nhất là 3 tháng;
- Đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chậm nhất là 2 tháng;

c) Thời hạn thẩm tra quyết toán vốn đầu tư (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ):

- Đối với dự án nhóm A chậm nhất là 3 tháng;
- Đối với dự án nhóm B chậm nhất là 2 tháng;
- Đối với dự án nhóm C chậm nhất là 1 tháng;
- Đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, chậm nhất là 1 tháng;

Điều 19. Quản lý điều kiện năng lực các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền quyết định đầu tư và việc lựa chọn nhà thầu đảm bảo năng lực điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và các quy định hiện hành của Nhà nước và của địa phương.

2. Giao Sở Xây dựng kiểm tra năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân đang tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh; thông báo trên các phương tiện thông tin danh sách những đơn vị, cá nhân vi phạm điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thường xuyên "hậu kiểm", kiểm tra năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn toàn tỉnh; công bố trên các phương tiện thông tin danh sách xếp hạng những đơn vị, cá nhân hoạt động xây dựng theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng gửi hồ sơ năng lực, kinh nghiệm của mình đến Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Xây dựng để đăng ký xếp hạng về năng lực hoạt động xây dựng theo quy định, khi có thay đổi năng lực kinh nghiệm dẫn đến thay đổi hạng phải đăng ký bổ sung.

Điều 20. Cấp giấy phép xây dựng

1. Giấy phép xây dựng công trình: trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ

đầu tư phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 1 điều 19 Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

2. Giấy phép xây dựng tạm

a) Việc cấp giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với những vùng đã có quy hoạch xây dựng được duyệt và đã công bố nhưng chưa thực hiện.

b) Tùy thuộc tình hình, đặc điểm của mỗi địa phương, mỗi khu vực, Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định cụ thể thời gian thực hiện quy hoạch xây dựng, quy mô công trình được phép xây dựng tạm cho phù hợp, tránh lãng phí nhưng vẫn phải đảm bảo an toàn, vệ sinh, môi trường để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng tạm và xác định thời gian có hiệu lực của giấy phép xây dựng tạm.

c) Nội dung giấy phép xây dựng tạm phải quy định thời hạn có hiệu lực của giấy phép. Hết thời hạn có hiệu lực của giấy phép, nếu Nhà nước giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch thì chủ sở hữu công trình phải tự phá dỡ và chỉ được bồi thường phần hiện trạng công trình đã có trước khi xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm, nếu Chủ sở hữu công trình không tự phá dỡ thì áp dụng hình thức cưỡng chế. Chủ sở hữu công trình phải chịu mọi chi phí cho việc cưỡng chế.

3. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng

a) Giao Giám đốc Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng sau (trừ các công trình xây dựng thuộc các khu kinh tế):

- Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I; cấp II, công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài, quảng cáo, tranh hoành tráng trên địa bàn tỉnh; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

- Công trình xây dựng tạm nằm trong quy hoạch đã được duyệt nhưng chưa thực hiện;

- Công trình xây dựng cấp III, cấp IV trên các tuyến phố chính của đô thị loại IV trở lên có mặt cắt đường lớn hơn hoặc bằng 35m (thành phố, thị xã) và các đô thị tương đương, trên các tuyến: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 8A, Quốc lộ 12 và đường Hồ Chí Minh.

Các công trình quy định tại khoản này thuộc các Khu kinh tế do Ban quản lý khu kinh tế cấp phép xây dựng.

b) UBND cấp huyện cấp giấy phép xây dựng các công trình còn lại và nhà ở riêng lẻ ở đô thị thuộc địa giới hành chính do huyện, thành phố, thị xã quản lý, trừ các công trình đã quy định tại Mục a, Khoản 3 điều này;

c) UBND cấp xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt thuộc địa giới hành chính của xã quản lý;

Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành và tình hình thực tế địa phương hướng dẫn cụ thể việc cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh.

4. Thời hạn cấp giấy phép xây dựng công trình không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với nhà ở riêng lẻ thời hạn cấp phép giấy phép xây dựng không quá 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Xử lý một số vi phạm trong cấp giấy phép xây dựng:

a) Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra các công trình, dự án đang xây dựng, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan được ủy quyền cấp giấy phép xây dựng, nếu cấp trái với quy hoạch được duyệt thì phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về hậu quả việc cấp giấy phép, phải bồi hoàn về thiệt hại kinh tế do việc cấp giấy phép xây dựng trái với quy hoạch gây ra, đồng thời trực tiếp xử lý hậu quả của việc cấp giấy phép xây dựng trái với quy hoạch.

c) Tổ chức, cá nhân cố tình xây dựng công trình trái với giấy phép xây dựng được cấp, hoặc xây dựng khi chưa được cấp giấy phép thì cơ quan quản lý trật tự xây dựng đô thị được phép đình chỉ, buộc phải tháo dỡ công trình, vật kiến trúc xây dựng sai quy định trong giấy phép, hoặc chưa được cấp giấy phép (trừ những công trình xây dựng quy định tại điều 4 Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng). Thiệt hại về kinh tế do việc đình chỉ, tháo dỡ công trình xây dựng trái phép Chủ dự án phải chịu trách nhiệm.

Chương III

GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Giám sát, đánh giá đầu tư

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư - Cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định tại Nghị định số 113/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 của Chính phủ. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi và tổng hợp công tác giám sát đánh giá đầu tư trên địa bàn tỉnh. Kiến nghị với UBND tỉnh về các giải pháp nhằm khắc phục những vướng mắc trong hoạt động đầu tư để đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư;

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính cấp huyện - Cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức giám sát đánh giá các dự án do UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư, định kỳ báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Giao cơ quan cấp phép đầu tư chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm giám sát đánh giá đầu tư các dự án do mình cấp phép theo quy định, định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo UBND tỉnh và cơ quan đầu mối tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư trong thời gian 5 ngày đầu của quý sau đó và báo cáo bất thường khi cần thiết.

4. Các dự án khác, người có thẩm quyền quyết định đầu tư chỉ định bộ phận chịu trách nhiệm thường xuyên thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định.

5. Chủ đầu tư các dự án có trách nhiệm trực tiếp tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá dự án, cụ thể: Thiết lập hệ thống thông tin nội bộ, thu thập và lưu trữ đầy đủ thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ của dự án, báo cáo của các nhà thầu, những thay đổi về chính sách, luật pháp của Nhà nước, các quy định của nhà tài trợ liên quan đến việc quản lý thực hiện dự án (nếu dự án có sử dụng nguồn vốn ODA); báo cáo kịp

thời cơ quan quản lý cấp trên xử lý các vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền; lập báo cáo giám sát và đánh giá dự án theo quy định; cung cấp, chia sẻ thông tin qua hệ thống giám sát, đánh giá dự án cấp ngành, địa phương và quốc gia) Lập báo cáo giám sát đánh giá đầu tư dự án theo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm gửi về cơ quan đầu mối tổ chức giám sát, đánh giá đầu tư trong thời gian 5 ngày đầu của quý sau đó và báo cáo bất thường khi cần thiết.

6. Các dự án sử dụng vốn ngân sách không thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư sẽ không được xem xét ghi vốn đầu tư kế hoạch năm tiếp theo theo quy định.

7. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả công tác giám sát, đánh giá đầu tư báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UBND tỉnh theo định kỳ.

Điều 22. Xử lý vi phạm

1. Chủ đầu tư dự án phải chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo chất lượng, tiến bộ và hiệu quả xây dựng của dự án theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Trong từng bước triển khai thực hiện dự án, nếu chủ đầu tư vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, cơ quan có thẩm quyền chỉ phê duyệt, giải quyết thủ tục hành chính khi có hồ sơ kiểm điểm trách nhiệm, xử lý vi phạm của cơ quan chủ đầu tư, cấp trên chủ đầu tư đối với cá nhân, đơn vị vi phạm; tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cơ quan, cá nhân cung cấp thông tin, giải quyết thủ tục hành chính nếu vi phạm quy định về quản lý đầu tư và xây dựng, tùy theo mức độ vi phạm phải được xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thẩm định dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về kết quả thẩm định dự án và các nội dung trình phê duyệt của mình; tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật về quyết định của mình đối với những dự án đầu tư không hiệu quả, gây thất thoát lãng phí ngân sách Nhà nước.

5. Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, Chánh Thanh tra chuyên ngành của các Sở có liên quan có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước; trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo UBND tỉnh xử lý.

b) Hàng quý, 6 tháng, năm tổng hợp kết quả xử lý vi phạm hành chính của các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động xây dựng báo cáo Sở Xây dựng trong 10 ngày đầu của tháng quý sau.

c) Hàng quý, 6 tháng, năm Sở Xây dựng tổng hợp tình hình vi phạm hành chính của các tổ chức cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh, trình UBND tỉnh xử lý. Trường hợp đột xuất Sở Xây dựng phải có báo cáo UBND tỉnh xử lý kịp thời.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Trách nhiệm các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Giám đốc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án, các ban quản lý Khu kinh tế, Chủ tịch UBND cấp xã được phân cấp, ủy quyền thực hiện những nội dung về quản lý đầu tư - xây dựng chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thẩm định, quyết định của mình.

2. Các cơ quan thẩm định, phê duyệt hồ sơ xây dựng có trách nhiệm niêm yết công khai tại phòng tiếp nhận hồ sơ một cửa các thủ tục cần thiết khi chủ đầu tư trình thẩm định hồ sơ xây dựng cơ bản và có trách nhiệm xem xét hồ sơ, hướng dẫn, bổ sung những nội dung còn thiếu để các chủ đầu tư thực hiện, không gây phiền hà sách nhiễu đối với khách hàng.

Điều 24. Điều khoản thi hành

Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn nghiệp vụ, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 25. Xử lý các công việc chuyển tiếp.

1. Đối với các dự án đầu tư đã có quyết định đầu tư trước ngày quyết định này có hiệu lực: giao chủ đầu tư tiếp tục thực hiện theo quyết định đã phê duyệt. Các Sở, ngành, huyện, thành phố, thị xã, có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc được giao làm chủ đầu tư để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặc biệt hoặc có vướng mắc trong tổ chức thực hiện, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết. Các bước tiếp theo thực hiện theo Quy định này.

2. Đối với dự án còn lại, thực hiện theo Quy định này.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc những vấn đề phát sinh các Sở, ban ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời báo UBND tỉnh nghiên cứu giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Văn Chất